**MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

 **NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN NGỮ VĂN – LỚP 8**

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Kĩ năng | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | Tổng% điểm |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| 1  | Đọc hiểu  | Thơ (Ngoài SGK) | 4 | 0 | 4 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 60 |
| 2 | Viết  | Viết được một văn bản nghị luận về tác phẩm truyện/ thơ (Ngoài SGK) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| Tổng | *20* | *5* | *20* | *15* | *0* | *30* | *0* | *10* | 100 |
| Tỉ lệ % | 25% | 35 % | 30% | 10% |
| Tỉ lệ chung | 60% | 40% |

 BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

 Thời gian làm bài: 90 phút

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chương/Chủ đề | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |
| Nhận biết | Thông hiểu  | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Đọc hiểu | Thơ (Văn bản ngoài SGK) | Nhận biết:- Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.- Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt.- Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.Thông hiểu:- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.- Hiểu được nội dung chính của văn bản.- Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.- Hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ…Vận dụng:- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.- Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.-Thông điệp từ văn bản.... | 4 TN                    | 4TN 1TL | 1TL                     | 0                                 |
| 2 | Viết | Viết bài văn nghị luận về tác phẩm thơ hoặc truyện được rút ra từ văn bản (Ngoài SGK) | Viết văn bản nghị luậnphân tích,đánh giá một tác phẩm thơ/truyện\*Nhận biết:– Xác định được cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ/truyện– Xác định được kiểu bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ/truyện; vấn đề nghị luận (chủ đề, những đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng)– Giới thiệu tác giả, tác phẩm.\*Thông hiểu:– Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ/truyện.– Lí giải được một số đặc điểm của thể loại qua tác phẩm.                   - Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm thơ/truyện (chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động.\*Vận dụng:– Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ/truyện.– Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ/truyện; vị trí, đóng góp của tác giả.\*Vận dụng cao:– So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.–   Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.                                  | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| Tổng |   | 4 TN1TL | 4TN 1TL | 2 TL | 1 TL |
| *Tỉ lệ %* |   | *25* | *35* | *30* | *10* |
| Tỉ lệ chung |   | 60 | 40 |

 ĐỀ BÀI

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

*Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:*

CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.
Gác mái, ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.
Kẻ chốn trang đài, người lữ thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

                                  ( Bà Huyện Thanh Quan)

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A.Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Ngũ ngôn

D. Lục bát

Câu 2: Bài thơ được gieo vần gì?

A.Vần lưng

B. Vần chân

C. Vần liền

D. Vần cách

Câu 3:Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ là gì?

A.Vui mừng, phấn khởi

B. Xót xa, sầu tủi

C.  Buồn, ngậm ngùi

D. Cả ba phương án trên

Câu 4: Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt nào?

A.Nghị luận kết hợp biểu cảm

B. Biểu cảm kết hợp tự sự

C. Miêu tả kết hợp tự sự

D. Biểu cảm kết hợp miêu tả

Câu 5: Nội dung của bài thơ là gì?

A. Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của  người lữ  khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.

B. Tâm trạng hân hoan, vui sướng khi nhớ về quê nhà

C. Nhớ tiếc một thời vàng son của Thăng Long cũng là trở về cội nguồn của dân tộc, tự hào về sức sống và nền văn hiến Đại Việt
D. Hoài niệm về những tàn dư thủa trước
Câu 6: Nhận định nào sau đây đúng nhất về thơ của Bà Huyện Thanh Quan?

A.Trang nhã, đậm chất bác học và thấm đẫm niềm hoài cổ.

B.Trẻ trung, mạnh mẽ đầy hơi thở dân gian.

C. Ngôn ngữ bình dị, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày.

D.Trang nhã, đậm chất bác học.

Câu 7: Em có nhận xét gì về nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà*?

A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình

B. Thủ pháp nghệ thuật phóng đại được sử dụng hiệu quả

C. Lời thơ trang nhã, sử dựng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị, hình ảnh gợi cảm, giàu màu sắc, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc

Câu 8: Căn cứ vào nội dung bài thơ cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình?

A. Lòng tự trọng

B. Yêu nhà, yêu quê hương

C. Sự hoài cổ

D. Cả ba ý trên

Câu 9:  Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong các câu thơ sau:

 *Gác mái, ngư ông về viễn phố,
 Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*

Câu10: Từ nội dung của bài thơ, em hãy nêu rõ vai trò của quê hương đối với mỗi người. (Trả lời khoảng 5-7 dòng)

Phần II.  Viết  (4,0 điểm)

  Viết bài văn phân tích bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* của Bà Huyện Thanh Quan .

 HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần | Câu | Nội dung | Điểm |
| I |  | ĐỌC HIỂU | 6,0 |
|  | 1 | B | 0,5 |
| 2 | B | 0,5 |
| 3 | C | 0,5 |
| 4 | D | 0,5 |
| 5 | A | 0,5 |
| 6 | A | 0,5 |
| 7 | C | 0,5 |
| 8 | B | 0,5 |
| 9 | - Mức tối đa:HS chỉ rõ và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ : Động từ "gác mái" biểu đạt một tâm thế nhàn của ngư ông đang sống ở miền quê, đã thoát vòng danh lợi: Đảo vị ngữ “ Gác mái” càng nhấn mạnh sự nghỉ ngơi thư thái của ngư ông. “ Gõ sừng” cũng được đảo ra phía trước để nhấn mạnh cử động của mục tử ( người chăn trâu ) nhưng là cử động trở về, nghỉ ngơi . Tóm lại, hai câu thực đã thể hiện một cách tài hoa chủ đề “ chiều hôm nhớ nhà”=> ​tạo nên không khí tĩnh lặng, cảnh chiều thêm tĩnh mịch và ẩn chứa một nỗi niềm man mác, bâng khuâng của lòng người- Mức chưa tối đa: GV căn cứ vào bài làm của HS để cho điểm phù hợp.- Mức chưa đạt: HS không có câu trả lời hoặc trả lời sai hoàn toàn. |  1,0 0.50.5<1,00 |
|  | 10 | - Mức tối đa:HS đọc kĩ bài thơ và nêu được vai trò của quê hương đối với mỗi người .Ví dụ: - Quê hương chính là nơi chôn nhau cắt rốn của ta, là nơi nuôi ta lớn lên với biết bao kỉ niệm chẳng thể phai nhòa.- Quê hương dạy ta biết lớn khôn và trưởng thành . Quê hương cho ta những năm tháng tuổi thơ tuyệt vời mà suốt hành hình trình trưởng thành ta không bao giờ tìm lại được. -  Quê hương ấy, những con người quen thuộc ấy sẽ theo dấu chân ta trên suốt quãng đời của mình ...- Mức chưa tối đa: GV căn cứ vào bài làm của HS để cho điểm phù hợp.- Mức chưa đạt: HS không có câu trả lời hoặc trả lời sai hoàn toàn.  | 1,0<1,00 |
| II |  | VIẾT | 4,0 |
|  | *a*. *Đảm bảo về hình thức : một bài văn phân tích một tác phẩm thơ ,bố cục 3 phần : MB , TB , KB*  | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề* : Phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật. | 0,25 |
|  | *C.* . Hs có trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 3.0 |
| Mở bài:Giới thiệu khái quát về Bà Huyện Thanh Quan (những nét chính về con người, cuộc đời, sự nghiệp sáng tác,…).Giới thiệu khái quát về bài thơ Chiều hôm nhớ nhà (hoàn cảnh sáng tác hoặc tóm tắt nội dung)Ví dụ: thông qua tác phẩm Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan đã khẳng định tài hoa thơ phú của mình. Bài thơ chứa một niềm tâm sự hoài cổ, nuối tiếc thời xưa được thể hiện qua nghệ thuật miêu tả cảnh để bộc lộ tình của tác giả.Thân bài* Nội dung:
	+ Ở bài thơ, ta bắt gặp một quang cảnh buồn, hoang vắng, cô tịch. Đó là cảnh buổi hoàng hôn tím sẫm, cái khoảng không gian và thời gian buồn, gợi nhớ nhất trong một ngày.
	+ Xuất hiện hình ảnh con người nhưng chỉ thoáng bóng thôi, và quang cảnh chỉ có thế. Đó là những người dân lao động nghèo, vất vả làm ăn, sinh hoạt của họ thật tẻ nhạt, thiếu sinh động.
	+ Bà luôn hoài cổ để chối bỏ thực tại và bày tỏ sự chán ghét thực tại. Đó là nỗi nhớ nước, nhớ nhà bà luôn giấu kín trong lòng.
	+ Trước cảnh, bà bộc lộ được niềm tâm sự của mình, một tâm sự hoài cổ, đầy nuối tiếc, muốn níu giữ những kỉ niệm xa xưa.
* Nghệ thuật
	+ Bài thơ đã đạt đến sự chuẩn mực trong việc sử dụng thể thơ Đường luật.
	+ Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình được sử dụng tài năng và đem đến hiệu quả nghệ thuật to lớn.
	+ Nghệ thuật đảo ngữ, chơi chữ cùng việc sử dụng các từ láy.

Kết bài: Khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ Chiều hôm nhớ nhà và cảm nghĩ của em về bài thơ. | 0.51.50.50.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát , dùng phương tiện liên kết câu ... | 0,25 |

"CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ” là một trong những kiệt tác thơ thất ngôn bát cú Đường luật của Bà Huyện Thanh Quan

*"Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,*

*Tiếng ốc xa đưa lẫn trống dồn.*

*Gác mái, ngư ông về viễn phố*

*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn*

*Ngàn mai gió cuốn, chim bay mỏi*

*Dặm liễu sương sa, khách bước dồn.*

*Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,*

*Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?".*

Hai câu đầu 1 và 2 (Mở đề - giới thiệu về thời gian, không gian, sự vật, sự việc).

Câu thơ đầu (phá đề) "Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn" tả một cảnh hoàng hôn êm đềm. Hai chữ "bảng lảng" như con mắt của câu thơ, tạo nên hình ảnh đặc sắc, đó là ánh sáng nhạt nhòa lúc trời sắp tối, khi gần khi xa, khiến ta thấy nét buồn của buổi chiều tà.

Câu thơ thứ hai (thừa đề, chuyển tiếp ý để đi vào phần sau) “ Tiếng ốc xa đưa vẳng trống dồn”. Đối với người xa nhà thì khoảnh khắc hoàng hôn thật là buồn. Nỗi buồn ấy lại được tăng lên bởi tiếng ốc (tù và) và tiếng trống dồn vang lên trong lòng . Ta như còn thấy cả không gian rộng lớn: Chiều dài (tiếng ốc), chiều cao (tiếng trống trên chòi cao) gieo vào lòng người lữ khách một nỗi buồn xa xăm, một niềm sầu thương tê tái. Câu thơ vừa có ánh sáng (bảng lảng) vừa có âm thanh (tiếng ốc, trống dồn) tạo cho cảnh hoàng hôn một màu sắc riêng của miền quê.

Hai câu thực 3 và 4 (Trình bày, mô tả sự vật, sự việc giải thích rõ ý đầu bài)

“Gác mái, ngư ông về viễn phố/Gõ sừng, mục tử lại cô thôn”.

Chiều xuống, ngư ông cùng con thuyền trở về viễn phố (nghĩa là bến xa) với tâm trạng của một ông chài sau một ngày làm việc tự thấy được nghỉ ngơi nhàn hạ, thoải mái. Động từ "gác mái" tức là gác mái chèo, biểu đạt một tâm thế nhàn tản của ngư ông.

Đồng thời trong cảnh là lũ trẻ chăn trâu đưa trâu về nhà, trở lại "cô thôn". Động tác "gõ sừng" của các mục đồng như gõ nhịp câu hát, thật thanh thản, hồn nhiên, yêu đời.

Hai câu luận 5 và 6 (Luận - bình luận 2 câu thực diễn tả suy nghĩ, thái độ, cảm xúc về sự vật, hiện tượng.)

“Ngàn mai, gió cuốn chim bay mỏi/Dặm liễu, sương sa khách bước dồn”. Ta như nghe “ngàn mai” xào xạc trong "gió cuốn" và thấy chim mỏi cánh bay gấp về tổ nơi rừng xanh. Trong “sương sa” mù mịt “dặm liễu” ấy, người lữ khách thì một mình một bóng đang "bước dồn" về nơi mình cần đi tới.

Tác giả mượn cảnh để tả tình, đó là cái sự cô đơn, bơ vơ của người lữ khách trên nẻo đường tha hương nghìn dặm. Hai hình ảnh "chim bay mỏi" và "khách bước dồn" là hai nét vẽ đối nhau, đặc tả sự mỏi mệt, cô đơn. Hai câu luận đã mở rộng thêm ý tứ của hai câu thực để lại nhiều ám ảnh trong lòng người đọc. Nữ sĩ sử dụng đảo ngữ: Lẽ ra là chim bay mỏi vào ngàn mai gió cuốn, thì tác giả đưa ngàn mai gió cuốn lên đầu. Cũng như vậy : Lẽ ra là Khách bước dồn vào dặm liễu sương sa thì tác giả lại đưa Dặm liễu sương sa lên đầu. Dụng ý làm nổi bật lên cái nẻo đường xa của miền đất lạ và sự vất vả của khách bộ hành, cánh chim bay.

Về ký thuật ta thấy hai câu 3 và 4 "đối" nhau và hai câu 5, 6 cũng "đối" nhau. Đối thường được hiểu là sự tương phản (về nghĩa kể cả từ đơn, từ ghép, từ láy) bao gồm cả sự tương đương trong cách dùng các từ ngữ. Đối chữ: danh từ đối danh từ, động từ đối động từ. Đối cảnh: trên đối dưới, cảnh động đối cảnh tĩnh, từ Hán Việt đối với từ hán Việt...

Hai câu Thực:

Gác mái đối với Gõ sừng (“gác” và “gõ” là động từ, “mái” và “sừng” là danh từ)

ngư ông đối với mục tử (danh từ Hán Việt đối với danh từ Hán Việt)

về viễn phố đối với lại cô thôn(“về” và “lại” là động từ, “viễn phố” và “cô thôn” là danh từ Hán Việt đối với danh từ Hán Việt)

Hai câu Luận:

Ngàn mai đối với Dặm liễu

gió cuốn đối với sương sa (“gió” và “sương” là danh từ, “cuốn” và “sa”là động từ)

chim bay mỏi đối với khách bước dồn (“chim” và “khách” là danh từ, “bay” và “bước” là động từ “mỏi” và “dồn” là trạng từ).

Nếu một bài thơ Đường luật mà các câu 3, 4 không đối nhau, các câu 5, 6 không đối nhau thì gọi là “Thất đối)

Hai câu cuối 7 và 8 (kết thúc ý toàn bài, khái quát toàn bộ nội dung bài theo hướng mở rộng và nâng cao “Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ/Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?".

Hai câu này của nữ sĩ như hội tụ, dồn nén lại tình thương, nỗi nhớ của mình. Ở đây có sự đối nhau “Kẻ Chương Đài - Người lữ thứ". Chương Đài là điển tích nói về chuyện li biệt, nhớ thương, tan hợp của lứa đôi Hàn Hoành và Liễu thị đời nhà Hán xa xưa. Xin nhắc ra điển tích này để độc giả rõ."Chương Đài" là tên một con đường ở thành Trường An bên Tàu. Đời nhà Đường, Hàn Hoành tuổi trẻ nổi tiếng là một người tài danh. Nhà nghèo kiết, lấy một nàng kỵ nữ họ Liễu ở Chương Đài.Mấy năm sau, quan Tiết độ sứ ở châu Thanh là Hầu Hy Dật mến tài, tâu vua xin Hàn Hoành làm người giúp việc. Bấy giờ, đương lúc nhiễu loạn, Hàn không dám đem Liễu đi theo, để nàng ở lại kinh đô, định chờ dịp tiện sẽ về đón. Nhưng trải qua ba năm trời, Hàn vẫn không về đón được. Nhân lấy vàng đựng vào một cái túi gởi về cho Liễu, kèm theo một bài thơ:

“Liễu ơi, hỡi Liễu Chương Đài,

Ngày xưa xanh biếc, hỏi nay có còn?

Ví tơ buông vẫn xanh rờn,

Hay vào tay khác, khó còn nguyên xưa!”

Liễu được thơ cũng đáp lại:

“Xanh non cành liễu đương tươi,

Năm năm luống để tặng người biệt ly.

Thu sang quyện lá vàng đi,

Chàng về biết có còn gì bẻ vin!”

Sự đối lập "Chương Đài" và "lữ thứ" gợi ra cho ta một cảnh tượng về nỗi buồn biệt li của của du khách nhớ nhà, nhớ quê hương, nhớ người thân yêu . Đó cũng là một tiếng than thở của tác giả được diễn tả dưới hình thức câu hỏi tu từ. "Ai" là đại từ phiếm chỉ, nhưng chúng ta hiểu đó là chồng, con, những người thân thương của nữ sĩ. "Hàn ôn” là nóng lạnh, "nỗi hàn ôn" là nỗi niềm tâm sự.

Ở đây Người lữ thứ là Bà Huyện Thanh Quan trong chiều tha hương, thấy mình bơ vơ nơi xa xôi, nỗi buồn thương không sao kể xiết.

Bà Huyện Thanh Quan, với tài sáng tạo vô song về chọn từ, tạo hình ảnh, đối câu, đối từ, đối thanh, tỏ rõ là một hồn thơ tài hoa, một ngòi bút trang nhã. Cảnh vật và tạo hình của nữ sĩ trở nên gần gũi, thân thuộc với mọi con người Việt Nam, mang tâm hồn đậm đà bản sắc dân tộc.Bài thơ "Chiều hôm nhớ nhà" của nữ sĩ là một bông hoa nghệ thuật chứa chan tình thương, nỗi nhớ, làm bâng khuâng xao xuyến lòng ta.

## **Thơ của Bà Huyện Thanh Quan thấm một nỗi buồn li biệt hoặc hoài cổ, hay nói đến hoàng hôn, lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt (bảng lảng, hoàng hôn, ngư ông, viễn phố...) tạo nên phong cách trang trọng, cổ kính, nhạc điệu trầm bổng hấp dẫn. "Chiều hôm nhớ nhà" là một bông hoa nghệ thuật chứa chan tình thương nhớ, bâng khuâng.**

     Ai đã từng đọc "Truyện Kiều" chắc không thể nào quên được câu thơ của Nguyễn Du nói về hoàng hôn:

"Sông sa vò võ phương trời,

Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng".

   Cũng nói về hoàng hôn và nỗi buồn của kẻ tha hương, bài thơ "Chiều hôm nhớ nhà" của Bà Huyện Thanh Quan là một kiệt tác của nền thơ Nôm Việt Nam trong thế kỉ XIX:

                 "Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,

         Tiếng ốc xa đưa vẳng trống đồn.

      Gác mái, ngư ông về viễn phố,

   Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.

           Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,

               Dặm liễu sương sa khách bước dồn.

             Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,

Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?".

   Câu thơ đầu tả ánh hoàng hôn một buổi chiều viễn xứ. Hai chữ "bảng lảng" có giá trị tạo hình đặc sắc: ánh sáng lờ mờ lúc sắp tối, mơ hồ gần xa, tạo cho bức tranh một buổi chiều thấm buồn:

"Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn".

   Hai chữ "bảng lảng" là nhãn tự - như con mắt của câu thơ. Nguyễn Du cũng có lần viết:

"Trời tây bảng lảng bóng vàng" (Truyện Kiều)

   Chỉ qua một vần thơ, một câu thơ, một chữ thôi, người đọc cũng cảm nhận được ngòi bút thơ vô cùng điêu luyện của Bà Huyện Thanh Quan.

   Đối với người đi xa, khoảnh khắc hoàng hôn, buồn sao kể hết được? Nỗi buồn ấy lại được nhân lên khi tiếng ốc (tù và) cùng tiếng trống đồn "xa đưa vẳng" lại. Chiều dài (tiếng ốc), chiều cao (tiếng trống đồn trên chòi cao) của không gian được diễn tả qua các hợp âm ấy, đã gieo vào lòng người lữ khách một nỗi buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái. Câu thơ vừa có ánh sáng (bảng lảng) vừa có âm thanh (tiếng ốc, trống đồn) tạo cho cảnh hoàng hôn miền đất lạ mang màu sắc dân dã:

"Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,

Tiếng ốc xa đưa vẳng trống đồn "

   Phần thực và phần luận, các thi liệu làm nên cốt cách bài thơ được chọn lựa tinh tế, biểu đạt một hồn thơ giàu cảm xúc. Ngư ông, mục tử, lữ khách... thế giới con người được nói đến. Cảnh vật thì có ngàn mai, có gió và sương, có "chim bay mỏi" ... Những thi liệu ấy mang tính chất ước lệ của thi pháp cổ (người thì có: ngư, tiều; cảnh vật, cây cỏ, hoa lá thì có: phong, sương, mai, liễu, cánh chim chiều...) nhưng với tài sáng tạo vô song: chọn từ, tạo hình ảnh, đối câu, đối từ, đối thanh, ở phương diện nào, nữ sĩ cũng tỏ rõ một hồn thơ tài hoa, một ngòi bút trang nhã. Vì thế cảnh vật trở nên gần gũi, thân thuộc với mọi con người Việt Nam. Cảnh vật mang hồn người đậm đà bản sắc dân tộc.

   Chiều tà, ngư ông cùng con thuyền nhẹ trôi theo dòng sông về viễn phố (bến xa) với tâm trạng của một "ngư ông" - ông chài nhàn hạ, thoải mái. Động từ "gác mái" biểu đạt một tâm thế nhàn của ngư ông đang sống ở miền quê, đã thoát vòng danh lợi:

"Gác mái, ngư ông về viễn phố".

   Cùng lúc đó, lũ trẻ đưa trâu về chuồng, trở lại "cô thôn", cử chỉ "gõ sừng" của mục đồng thật hồn nhiên, vô tư, yêu đời.

"Gõ sừng mục tử lại cô thôn".

   Đó là hai nét vẽ về con người, hai bức tranh tuyệt đẹp nơi thôn dã vô cùng thân thuộc đáng yêu.

   Hai câu luận tiếp theo mượn cảnh để tả cái lạnh lẽo, cô liêu, bơ vơ của người lữ khách trên nẻo đường tha hương nghìn dặm. Trời sắp tối. Ngàn mái xào xạc trong "gió cuốn"; gió mỗi lúc một mạnh. Cánh chim mỏi bay gấp về rừng tìm tổ. Sương sa mù mịt dặm liễu. Và trên con đường sương gió ấy, lạnh lẽo ấy chỉ có một người lữ khách, một mình một bóng đang "bước dồn" tìm nơi nghỉ trọ. Hai hình ảnh "chim bay mỏi" và "khách bước dồn" là hai nét vẽ đăng đôi, đặc tả sự mỏi mệt, cô đơn. Con người như bơ vơ, lạc lõng giữa ”gió cuốn" và "sương sa", đang sống trong khoảnh khắc sầu cảm, buồn thương ghê gớm. Câu thơ để lại nhiều ám ảnh trong lòng người đọc. Đảo ngữ làm nổi bật cái bao la của nẻo đường xa miền đất lạ:

"Ngàn mai, gió cuốn chim bay mỏi,

Dặm liễu, sương sa khách bước dồn".

   Bằng sự trải nghiệm của cuộc đời, đã sống những khoảnh khắc hoàng hôn ở nơi đất khách quê người, nữ sĩ mới viết được những câu thơ rất thực miêu tả cảnh ngộ lẻ loi của kẻ tha hương hay đến thế!

   Hai câu kết hội tụ, dồn nén lại tình thương nhớ. Nữ sĩ cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Câu thứ bảy gồm hai vế tiểu đối, lời thơ cân xứng đẹp: "Kẻ chốn

   Chương Đài người lữ thứ". Chương Đài là điển tích nói về chuyện li biệt, nhớ thương, tan hợp của lứa đôi Hàn Hoành và Liễu thị đời nhà Hán xa xưa. Bà Huyện Thanh Quan đã vận dụng điển tích ấy một cách sáng tạo. "Chương Đài" và "lữ thứ" trong văn cảnh gợi ra một trường liên tưởng về nỗi buồn li biệt của khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết. Khép lại bài thơ là một tiếng than giãi bày một niềm tâm sự được diễn tả dưới hình thức câu hỏi tu từ. "Ai" là đại từ phiếm chỉ, nhưng ai cũng biết đó là chồng, con, những người thân thương của nữ sĩ. "Hàn ôn” là nóng lạnh, "nỗi hàn ôn" là nỗi niềm tâm sự. Người lữ thứ trong chiều tha hương thấy mình bơ vơ nơi xa xôi, nỗi buồn thương không sao kể xiết:

"Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,

Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?".

   "Chiều hôm nhớ nhà" và "Qua Đèo Ngang" hai kiệt tác thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Đó là chùm thơ của Bà Huyện Thanh Quan sáng tác trong những tháng ngày nữ sĩ trên đường thiên lí vào kinh đô Huế nhận chức nữ quan trong triều Nguyễn. Có thể coi đó là những bút kí - thơ vô cùng độc đáo. Thơ của Bà Huyện Thanh Quan thấm một nỗi buồn li biệt hoặc hoài cổ, hay nói đến hoàng hôn, lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt (bảng lảng, hoàng hôn, ngư ông, viễn phố...) tạo nên phong cách trang trọng, cổ kính, nhạc điệu trầm bổng hấp dẫn. "Chiều hôm nhớ nhà" là một bông hoa nghệ thuật chứa chan tình thương nhớ, bâng khuâng,...

*Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com*

*https://www.vnteach.com*